TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HNGĐ- ST
Ngày 15/3/2018
"V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Nguyễn Văn Quyết.**

** Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Đới Văn Trinh**, ông **Nguyễn Văn Thành**

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Ông **Nguyễn Văn Việt**- Cán bộ Toà án nhân dân thị xã Chí Linh - Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh - Hải Dương tham gia phiên toà:*** Bà **Lê Thị Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 354/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Chị **Nguyễn Thị Q** - sinh năm 1988

Nơi ĐKHKTT: Khu dân cư (KDC) L, phường T, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Nơi tạm trú: Số 261B T.P, khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương- Có mặt tại phiên tòa.

***2. Bị đơn*:** Anh **Dương Công T** - sinh năm 1986

Trú tại: KDC L, phường T, thị xã C, tỉnh Hải Dương- Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng:

3.1 Bà **Ngô Thị T**- Sinh năm 1962

Địa chỉ: KDC L, phường T, thị xã C, tỉnh Hải Dương- Có mặt tại phiên tòa.

3.2 Bà **Nguyễn Thị T**- Sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu 2, phường Đ, thị xã Đ, Quảng Ninh- Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2017 và các bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày như sau:

Chị và anh Dương Công T kết hôn với nhau ngày 18/01/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T tại khu dân cư L, phường T, thị xã C. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2014 vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T có nghề sửa chữa điện thoại tại nhà nhưng không chịu khó làm ăn, khi làm được tiền lại không đưa cho chị để lo sinh hoạt trong gia đình dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Ngoài ra anh T là người lầm lì ít nói, vợ chồng ít nói chuyện, không có sự quan tâm đến nhau. Đến tháng 10/2016 chị xác định vợ chồng không chung sống được với nhau nên chị đã thuê cửa hàng và chuyển về tạm trú tại khu L, thị trấn N, tỉnh Hải Dương ở và bán hàng từ đó đến nay. Anh T có nhắn tin bảo chị về nhưng chị không về. Vợ chồng ly thân nhau từ đó và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Dương Diễm M sinh ngày 03/3/2010 hiện đang ở cùng anh T. Nếu vợ chồng ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cháu M và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Dương Công T mặc dù đã được Tòa án giao Thông báo về việc thụ lý và được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có lời khai trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên toà hôm nay:

Chị Q vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của của nguyên đơn là đảm bảo đúng pháp luật. Anh T được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt là không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q, xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Dương Công T.

- Về con chung: Xử giao con chung là Dương Diễm M sinh ngày 03/3/2010 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Q phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Dương Công T là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa do vậy Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Anh Dương Công T là bị đơn trong vụ án không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của Nguyên đơn, biên bản ghi lời khai những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị Q và anh Dương Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị Q và anh T có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống và anh chị đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Q xin ly hôn, anh T đã biết nhưng không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành. Điều đó thể hiện anh T đã bỏ mặc, không có biện pháp để cải thiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa chị Q và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Dương Công T.

[3] Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung là Dương Diễm M sinh ngày 03/3/2010 hiện đang ở cùng anh T. Nay chị Q xin được trực tiếp nuôi cháu M và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T mặc dù đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng anh không có quan điểm gì về việc nuôi con. Cháu M có nguyện vọng được ở với chị Q. Xét chị Q có đủ điều kiện nuôi con. Do vậy cần giao cháu M cho chị Q trực tiếp nuôi. Cần chấp nhận sự tự nguyện của chị Q về việc chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị Q trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Dương Công T.

- Về con chung: Xử giao con chung là Dương Diễm M sinh ngày 03/3/2010 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Q phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0000227 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh. Chị Q đã nộp đủ án phí.

Báo chị Q biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Chí Linh;
- UBND phường T- thị xã C;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Quyết